

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

- Quy chế này điều chỉnh cách thức, hoạt động quản trị nội bộ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo quy định tại Điều lệ TPBank và quy định pháp luật.
- Quy chế này được áp dụng đối với các đối tượng sau:
 - Ngân hàng TPBank;
 - Cổ đông TPBank và người có liên quan của cổ đông;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên khác của Ban Điều hành, Trung tâm Kiểm toán nội bộ, Trung tâm Kiểm soát nội bộ và Tuân thủ;
 - Người phụ trách quản trị Ngân hàng;
 - Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

- Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Ban Điều Hành:** Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối/Đơn vị tại Hội sở báo cáo trực tiếp Tổng Giám đốc và các nhân sự khác do Tổng Giám đốc quyết định tại từng thời điểm.
 - Người Điều Hành:** Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh.
 - Người Quản Lý:** Bao gồm Chủ tịch và các thành viên HĐQT, TGD.
 - Người Phụ Trách Quản Trị Ngân Hàng:** Là người do HĐQT Ngân hàng bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng tại TPBank, thực hiện quyền, nghĩa vụ được quy định tại Quy chế này.
 - Người Có Liên Quan:** Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Các TCTD 2024. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà Luật Các TCTD 2024, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, "Người có liên quan" được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
Các từ ngữ, từ viết tắt chưa được giải thích trong Quy chế này sẽ được hiểu theo *Quy định về chuẩn từ ngữ viết tắt chức danh và tên đơn vị trong hệ thống văn bản của TPBank (QD01/QTNL)*, Điều lệ, các quy định khác của TPBank và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Các từ viết tắt

- | | |
|---------------------|---|
| a) NHNN | : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| b) ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| c) HĐQT | : Hội đồng Quản trị |
| d) BDH | : Ban Điều hành |
| e) BKS | : Ban Kiểm soát |
| f) TGD | : Tổng Giám đốc |
| g) KTNB | : Kiểm toán nội bộ |
| h) TTKTNB (IA) | : Trung tâm Kiểm toán nội bộ |
| i) TTKSNB&TT (ICC) | : Trung tâm Kiểm soát nội bộ và tuân thủ |
| j) Hệ thống KSNB | : Hệ thống kiểm soát nội bộ |
| k) TPBank/Ngân hàng | : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong |

- l) Luật Các TCTD/Luật Các TCTD 2024: Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế (nếu có).

Điều 3. Văn bản liên quan

1. Văn bản bên ngoài:

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
1	Luật Các Tổ chức tín dụng	32/2024/QH15	18/01/2024
2	Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	17/06/2020
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	03/2022/QH15	11/01/2022
4	Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	26/11/2019
5	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020
6	Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	116/2020/TT-BTC	31/12/2020
7	Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020
8	Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)	13/2018/TT-NHNN	18/05/2018
9	Các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp trong ngân hàng của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng	BIS d328-Corporate Governance Principles for Banks	2015

2. Văn bản nội bộ:

STT	Tên văn bản	Mã văn bản
1	Điều lệ NHTMCP Tiên Phong	
2	Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT	QC42/TCĐH
3	Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS	
4	Quy chế tổ chức và hoạt động của BDH	QC32/TCĐH
5	Quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm KTNB	QD05/TCĐH
6	Quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trung tâm KSNB&TT	QD07/TCĐH

Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng dựa trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ TPBank;
- Đảm bảo cơ chế bộ máy quản trị, điều hành TPBank hợp lý, hiệu quả và hướng tới áp dụng đầy đủ các thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế về quản trị ngân hàng;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT, BDH, BKS; nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với công ty và cổ đông;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông, không phân biệt giữa Cổ đông lớn và Cổ đông nhỏ;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng vào bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, TPBank và những người có liên quan;

7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;
8. Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với bên liên quan.

Điều 5. Cơ cấu quản trị của TPBank

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
2. Hội đồng Quản trị (HĐQT)
3. Ban Kiểm soát (BKS)
4. Ban Điều hành (BDH)

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Mục 1: Cổ đông

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Ngoài các quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông Ngân hàng có các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a) Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp ngân hàng có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;
 - b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;
 - c) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho Ngân hàng, Cổ đông có quyền đề nghị hủy bỏ hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Cổ đông lớn có quyền, nghĩa vụ của Cổ đông theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a) Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Ngân hàng và của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b) Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Mục 2. Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Quyền hạn và Nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Cuộc họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ Ngân hàng. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 29 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định của pháp luật có liên quan. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến (hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy

định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng) hoặc kết hợp các hình thức này. Hình thức họp ĐHĐCĐ do Người triệu tập họp quyết định theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

- a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 9. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp ĐHĐCĐ

1. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ; các quy định liên quan đến quyền kiến nghị của cổ đông/nhóm cổ đông đưa vào chương trình họp) thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Ngân hàng.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.
4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.

Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp tại Khoản này có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong

- các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 33 Điều lệ Ngân hàng. Cổ đông có thể xác nhận, đăng ký dự họp/ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức ghi nhận trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 - Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng).

Điều 11. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 34 Điều lệ Ngân hàng.
- Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

- Biên bản họp ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng.
- Việc thông qua các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và các nội dung liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Ngân hàng.
- Thông báo, gửi Nghị quyết ĐHĐCĐ:
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Ngân hàng có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
 - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến NHNN.
- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Điều 13. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

- HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ Ngân hàng.
- HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 37 Điều lệ Ngân hàng.
- Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng bằng các hình thức sau đây:
 - Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 5 Điều 37 Điều lệ Ngân hàng. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Thông báo, gửi Nghị quyết ĐHĐCĐ:
- a) Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Ngân hàng có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
 - b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến NHNN.
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
7. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Ngân hàng và có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
3. Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Ngân hàng. Trong trường hợp này, nghị quyết ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án/Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT

Điều 15. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT

1. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình theo chức năng, nhiệm vụ được giao và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Ngân hàng.
3. HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và quy định nội bộ của TPBank.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số các Thành viên của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Ngân hàng, Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 55 Điều lệ Ngân hàng, Điều 14 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.
3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, Người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng. Người được yêu cầu cung cấp phải cung cấp kịp thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và tính chính xác của thông tin, tài liệu được cung cấp.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT**Điều 17. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Điều lệ Ngân hàng và quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41, 42 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 18. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ tối thiểu ba mươi (30) ngày, HĐQT phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập HĐQT (trường hợp chưa bầu thành viên độc lập HĐQT hoặc chưa đủ số thành viên tối thiểu theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để cổ đông đề cử, ứng cử người giữ các chức danh này theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật. Hồ sơ, danh sách ứng cử viên phải được gửi tới HĐQT theo thời hạn, hình thức, thủ tục do HĐQT Ngân hàng quy định.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào HĐQT. Số lượng ứng cử viên được đề cử, ứng cử thực hiện như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 75% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
3. Trên cơ sở danh sách, hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ của các cổ đông đối với các chức danh này, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu (đạt tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ, thủ tục hợp lệ) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên website của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn/chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh trong HĐQT/HĐTV tại doanh nghiệp khác) (nếu có);
- e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng (nếu có);
- f) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 19. Thể thức bầu thành viên HĐQT

Thể thức bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 50 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 20. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm và thông báo về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Ngân hàng.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT**Điều 21. Thù lao của thành viên HĐQT**

Thù lao và các lợi ích khác của Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Ngân hàng. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Mục 4. Tổ chức họp HĐQT**Điều 22. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT**

Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT, thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT, lập biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ.

Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi tới Ban Kiểm soát (thông qua Trưởng Ban Kiểm soát) để biết, giám sát thực hiện và Tổng Giám đốc (thông qua Văn phòng TGD) để triển khai, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ sau khi ban hành.

Mục 5. Vai trò quản trị cấp cao của HĐQT**Điều 24. Vai trò quản trị cấp cao của Hội đồng Quản trị**

HĐQT có những nhiệm vụ trong vai trò quản trị cấp cao Ngân hàng sau đây:

1. Thiết lập chiến lược, mục tiêu hoạt động và giám sát việc thực hiện.
2. Thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ:
 - a) Thiết lập cơ cấu tổ chức giám sát của HĐQT đảm bảo:
 - i. Có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự được HĐQT thành lập theo quy định của NHNN, Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng khác (nếu cần thiết) để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
 - ii. Cơ cấu tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban/Hội đồng do HĐQT ban hành từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
 - b) Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ: HĐQT giám sát TGD trong việc:
 - i. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;
 - ii. Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN;

- iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - iv. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
 - v. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
 - c) Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro: HĐQT giám sát TGD trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro trong việc:
 - i. Xây dựng, tổ chức thực hiện Chính sách quản lý rủi ro;
 - ii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - iii. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
 - d) Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn: HĐQT giám sát TGD trong việc:
 - i. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn;
 - ii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - iii. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
3. Thiết lập văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kiểm soát và văn hóa rủi ro lành mạnh với kỳ vọng ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo tuân thủ luật pháp, các quy định của Ngân hàng.
4. Các nhiệm vụ khác của HĐQT được quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của TPBank và các quy định của pháp luật.

Mục 6. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Điều 25. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. HĐQT thực hiện bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty, việc bổ nhiệm Thư ký công ty do HĐQT xem xét, quyết định (nếu xét thấy cần thiết) theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của TPBank.
2. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Ngân hàng:
 - a) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng Đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - b) Hiểu biết về pháp luật và quản trị doanh nghiệp;
 - c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng được thực hiện theo quy định, quyết định nội bộ của HĐQT. Ngân hàng sẽ công bố trên trang thông tin điện tử và thực hiện các thủ tục công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Cơ cấu tổ chức và vai trò của BKS trong quản trị Ngân hàng

- BKS do ĐHĐCĐ bầu, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Ngân hàng.
- BKS và cơ cấu của BKS tuân thủ quy định tại Điều 61 Điều lệ Ngân hàng.
- BKS thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ TPBank. Cơ cấu tổ chức giám sát của BKS thực hiện theo quy định pháp luật, NHNN, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của BKS.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS

Trưởng BKS và thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng và quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41, 42 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 28. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được thực hiện tương tự các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Quy chế này.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS

- BKS thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 62 Điều lệ Ngân hàng, Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và quy định nội bộ của TPBank.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng BKS, thành viên BKS được quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, các quy định nội bộ của TPBank và các quy định khác của pháp luật.

Điều 30. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS

Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 66 Điều lệ Ngân hàng. Tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của BKS do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Cuộc họp của BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng, Điều 17 Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS từng thời kỳ.

CHƯƠNG V: KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Mục 1. Trung tâm Kiểm toán nội bộ

Điều 32. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKTNB

- TTKTNB là bộ phận giúp việc của BKS, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BKS, gồm các phòng chức năng thực hiện công tác kiểm toán nội bộ Ngân hàng, giúp việc cho BKS. Quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKTNB do BKS quyết định.
- Ban Giám đốc TTKTNB gồm có Giám đốc TTKTNB và Phó Giám đốc TTKTNB (nếu có) do BKS bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc TTKTNB là người đứng đầu, quản lý và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của TTKTNB, chịu trách nhiệm trực tiếp trước BKS về mọi hoạt động của TTKTNB.

3. TTKTNB là tuyến bảo vệ thứ 03 trong Hệ thống KSNB của TPBank.

Điều 33. Tiêu chuẩn, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với kiểm toán viên nội bộ

1. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên nội bộ
 - a) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ;
 - b) Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm đối với Kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Giám đốc TTKTNB; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ;
 - c) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định nội bộ của BKS, quy định về tổ chức, hoạt động của TTKTNB.
2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ
Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện và duy trì quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử đối với cán bộ nhân viên của TPBank và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với kiểm toán viên nội bộ theo quy định của BKS, quy định về tổ chức, hoạt động của TTKTNB và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của TTKTNB

Nhiệm vụ, quyền hạn của TTKTNB, trách nhiệm của TTKTNB, kiểm toán viên nội bộ thực hiện theo quy định nội bộ của BKS, quy định về tổ chức, hoạt động của TTKTNB từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Mục 2. Trung tâm Kiểm soát nội bộ và tuân thủ

Điều 35. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKSNB&TT

1. TTKSNB&TT là đơn vị do TGD thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của TGD, gồm các phòng chức năng thực hiện công tác kiểm soát, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ đối với mọi hoạt động của các đơn vị trên toàn hệ thống TPBank. Quy chế về cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKSNB&TT do HĐQT quyết định.
2. Ban Giám đốc TTKSNB&TT gồm Giám đốc Trung tâm và (các) Phó Giám đốc Trung tâm (nếu có). Giám đốc TTKSNB&TT là người đứng đầu Trung tâm, quản lý và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng của Trung tâm, chịu trách nhiệm trực tiếp trước TGD về mọi hoạt động của Trung tâm.
3. TTKSNB&TT là đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ 02 trong Hệ thống KSNB của TPBank.

Điều 36. Chức năng và nhiệm vụ của TTKSNB&TT

Chức năng, nhiệm vụ của TTKSNB&TT thực hiện theo Quy chế về cơ cấu tổ chức, hoạt động của TTKSNB&TT và quy định nội bộ của TPBank ban hành từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 37. Nguyên tắc hoạt động của TTKSNB&TT

1. Thực hiện đúng chỉ đạo/yêu cầu của TGD và bảo đảm quyền và lợi ích cao nhất của TPBank.
2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công theo đúng các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.
3. Khi thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc Trung tâm và các thành viên trong trung tâm phải có sự phối hợp, tương trợ lẫn nhau, nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu chung và kế hoạch đề ra.

CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 38. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của BDH

1. BDH được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung, chế độ một thủ trưởng, chịu trách

nhiệm cá nhân. TGD là người lãnh đạo BDH, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của TPBank. Giúp việc cho TGD có các thành viên BDH và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, TGD phân công trách nhiệm và/hoặc uỷ quyền cụ thể cho các thành viên trong BDH phụ trách các phần hoạt động nghiệp vụ; triển khai thực hiện kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh đã được phê duyệt; tổ chức đánh giá việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank.
3. Trong quá trình hoạt động, BDH có trách nhiệm tuân thủ đúng Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ khác của TPBank và quy định có liên quan của pháp luật. Trường hợp thành viên BDH phát hiện thấy hành vi vi phạm các quy định nêu trên, phải lập tức báo cáo lên TGD, đồng thời báo cáo lên HĐQT và BKS.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của BDH

BDH thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo Quy chế về tổ chức, hoạt động của BDH và quy định nội bộ của TPBank ban hành từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và quy định của NHNN.

Điều 40. TGD, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD

1. TGD do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ không qua 05 năm, là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động hàng ngày của TPBank. TGD chịu sự giám sát của HĐQT và BKS và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
2. TGD thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 69 Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức, hoạt động của BDH và các quy định nội bộ khác của TPBank.
3. TGD thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với hệ thống kiểm soát nội bộ:
 - a) Thiết lập cơ cấu tổ chức giám sát của TGD đảm bảo thành lập Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO), Hội đồng quản lý vốn theo quy định pháp luật về hệ thống KSNB của ngân hàng thương mại và quy định nội bộ của TPBank ban hành từng thời kỳ. Quy định về tổ chức và hoạt động của các Hội đồng do TGD ban hành tối thiểu bao gồm chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng, số lượng thành viên và chức năng, nhiệm vụ của các thành viên; cơ chế ra quyết định; họp định kỳ; họp đột xuất và các nội dung khác. Ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận trong cuộc họp của Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn phải được ghi lại bằng văn bản.
 - b) TGD thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Ngân hàng theo quy định pháp luật về hệ thống KSNB của ngân hàng thương mại và quy định nội bộ của TPBank ban hành từng thời kỳ.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con

TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng và quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41, 42 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 42. Trình tự và thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. HĐQT quyết định bổ nhiệm TGD phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục, thể thức bổ nhiệm TGD thực hiện theo quy định tại Điều 51 Điều lệ Ngân hàng.
2. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm TGD được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Ngân hàng.
3. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh khác thuộc BDH được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Ngân hàng phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Ký hợp đồng lao động: Việc ký hợp đồng lao động với TGD, Người điều hành khác và các chức danh khác thuộc BDH được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng từng thời kỳ.

Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của TGD, Người điều hành khác

Tiền lương và lợi ích khác của TGD, Người điều hành khác thực hiện theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII**NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD của Ngân hàng phải cung cấp cho TPBank các thông tin theo đúng quy định tại Điều 48 Điều lệ Ngân hàng, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Thành viên HĐQT, BKS, TGD và các thành viên BDH và những người có liên quan của những người này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
5. Thành viên HĐQT, BKS, TGD và các thành viên BDH và những người có liên quan của những người này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên HĐQT, BDH không được tham gia biểu quyết về các giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

Điều 45. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Ngân hàng phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát

các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

Điều 46. Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng với người có liên quan

Việc cấp tín dụng cho người có liên quan tuân thủ quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Luật Các TCTD, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ và các quy định nội bộ của TPBank trong từng thời kỳ.

Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến TPBank

1. Ngân hàng tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng, bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ Ngân hàng, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
2. HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc xây dựng nội quy lao động, chính sách nhân sự trong toàn hệ thống, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về lao động.
3. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức này trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam.
4. Ngân hàng cam kết khuyến khích cán bộ, nhân viên tham gia các hoạt động vì môi trường, chia sẻ trách nhiệm xã hội.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD

Điều 48. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, BKS, TGD phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật và Ngân hàng.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 49. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và BKS và TGD

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS
 - a) BKS và HĐQT tương tác, làm việc theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ;
 - b) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của BKS;
 - c) Trưởng BKS có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết;
 - d) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS;
 - e) HĐQT có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho BKS;
 - f) HĐQT phối hợp với bộ phận KTNB khi KTNB thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với HĐQT;
 - g) BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của BKS và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT theo quy định;
 - h) HĐQT thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và thông báo cho BKS về kết quả thực hiện kiến nghị.
 - i) BKS kịp thời thông báo cho HĐQT trong vòng 48 giờ kể từ khi phát hiện Người Quản lý, Người Điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay

hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD

- a) TGD và/hoặc thành viên BDH liên quan có thể được tham gia các phiên họp của HĐQT và ĐHĐCĐ, có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh của TPBank, trả lời các chất vấn của HĐQT và ĐHĐCĐ đối với công việc điều hành ngân hàng;
- b) TGD và/hoặc các thành viên BDH chỉ được thực hiện những công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, chủ tịch HĐQT sau khi có Nghị quyết hoặc Quyết định của HĐQT, chủ tịch HĐQT cho phép thực hiện;
- c) TGD và/hoặc các thành viên BDH giữ quan hệ và thông tin thường xuyên với các thành viên HĐQT và có chế độ làm việc, báo cáo định kỳ với chủ tịch HĐQT về các hoạt động kinh doanh, đối ngoại và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng;
- d) Các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác, các cuộc họp giao ban định kỳ của BDH phải có người phụ trách quản trị ngân hàng tham dự để trao đổi thông tin, tăng cường chỉ đạo và lãnh đạo thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, quy chế của HĐQT đã ban hành. Trong những trường hợp cần thiết, HĐQT, thành viên HĐQT có thể tham gia các cuộc họp của BDH;
- e) Các báo cáo định kỳ, đột xuất của các thành viên BDH, đơn vị gửi cho TGD, các văn bản đối ngoại, các quyết định, chỉ thị, thông báo và các chỉ đạo bằng văn bản khác của TGD đối với các thành viên BDH, với các đơn vị trong hệ thống TPBank được sao gửi ngay tới các thành viên EXCO. Tùy theo yêu cầu của EXCO, TGD hoặc thành viên BDH có trách nhiệm báo cáo tổng hợp và/hoặc chuyên đề đối với những vấn đề có liên quan tại cuộc họp do EXCO triệu tập định kỳ hoặc đột xuất;
- f) Định kỳ hàng quý HĐQT sẽ họp với BDH để:
 - Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao quý trước và kế hoạch triển khai công việc, nhiệm vụ trong quý tiếp theo;
 - Kiểm điểm việc tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD

- a) BKS và các thành viên BKS trong quá trình làm việc với TGD và BDH phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình;
- b) TGD báo cáo BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể BKS;
- c) Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của TGD;
- d) Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, BKS có quyền đề nghị TGD dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có yêu cầu, BKS thông báo ý kiến của BKS với các thành viên HĐQT. HĐQT sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của TGD.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGD VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 50. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật

1. Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD bao gồm nhưng không giới hạn:

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của TPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền TPBank.
QC35/TCĐH v2.0

- a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
 - b) Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Ngân hàng, chủ trương, chính sách của ngân hàng và pháp luật;
 - c) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
 - d) Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, chống tham nhũng, lãng phí;
 - e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.
2. Khen thưởng:
- Hình thức và mức khen thưởng đối với thành viên HĐQT, BKS, TGD do HĐQT quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ thông qua và căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh đối với TGD, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng.
3. Kỷ luật:
- a) Thành viên HĐQT, BKS, TGD trong quá trình thực thi nhiệm vụ có hành vi vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác của ngân hàng, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Ngân hàng;
 - b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm;
 - c) Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự và hình thức xử lý được thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.

CHƯƠNG X

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Điều 51. Văn hóa doanh nghiệp

1. TPBank đề cao văn hóa doanh nghiệp, xây dựng bản sắc sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, đề cao sự trung thực và tận tâm với khách hàng.
2. TPBank ban hành bộ Quy tắc ứng xử, trong đó có các hướng dẫn về cách hành xử cho toàn thể cán bộ nhân viên và Ban lãnh đạo ngân hàng tham khảo và áp dụng. Bộ quy tắc ứng xử nhấn mạnh các giá trị cốt lõi mà Ngân hàng đang hướng tới để làm kim chỉ nam hướng dẫn Người TPBank trong giao tiếp, ứng xử và hành động một cách chuyên nghiệp. Thông qua Bộ quy tắc ứng xử, HĐQT khuyến khích văn hóa chính trực trong mỗi người TPBank, đảm bảo để tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của ngân hàng có tính vững mạnh về đạo đức. Bộ quy tắc cũng khuyến khích các cán bộ nhân viên báo cáo các hành vi sai phạm qua đầu mối tại Khối Quản trị Nguồn nhân lực. TPBank cam kết bảo mật và bảo vệ người báo cáo thông tin về các hành vi vi phạm và nghiêm cấm các hành vi trả thù, trả đũa của những người có liên quan.

CHƯƠNG XI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Ngân hàng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động, tài chính và tình hình quản trị cho cổ đông và công chúng. Ngân hàng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho

cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 53. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý của TPBank

1. Ngân hàng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Ngân hàng theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
2. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình hoạt động.

Điều 54. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD

1. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm/bãi nhiệm, nhận được đơn xin từ chức của thành viên HĐQT (bao gồm cả Chủ tịch HĐQT) trên website ngân hàng trong vòng 24 giờ. Đồng thời, Ngân hàng gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g Khoản 1 Điều 45 Điều lệ Ngân hàng gửi NHNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

Điều 55. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị ngân hàng

1. Ngân hàng phải báo cáo về tình hình quản trị Ngân hàng tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Ngân hàng có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Ngân hàng định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 56. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên HĐQT, TGD

Thù lao của HĐQT và tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 57. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, BKS, TGD

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này, thành viên HĐQT, BKS, TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc/TGD trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc/TGD hoặc cổ đông lớn.

Điều 58. Tổ chức công bố thông tin

1. Ngân hàng tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc công bố thông tin của Ngân hàng do Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
2. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng tại địa chỉ <https://tpb.vn> và các phương tiện báo cáo, công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

3. Hoạt động công bố thông tin phải đảm bảo tính công khai, minh bạch và thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin được công bố cho các cá nhân, tổ chức có liên quan.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực của văn bản

1. Quy chế này được ĐHĐCĐ TPBank nhất trí thông qua ngày .../.../2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng số 08/2021/QC-TPB.HĐQT ngày 13/05/2021.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ Quy chế này do HĐQT quyết định sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.
3. Những nội dung khác về hoạt động quản trị Ngân hàng nếu chưa được đề cập tại Quy chế này (nếu có) sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Ngân hàng và các văn bản khác của TPBank. Trường hợp Quy chế này có nội dung trái với quy định pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành và TPBank sẽ tự động áp dụng quy định pháp luật tương ứng.
4. Người quản lý, người điều hành của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm. HĐQT của Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 69 của Luật này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Đến ngày Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, BKS của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên BKS theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 của Luật Các TCTD số 47/2010/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14) cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

Điều 60. Tổ chức thực hiện

1. HĐQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, BDH, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 60 (để thực hiện);
- Lưu: VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Phú